

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Giai đoạn tài chính
từ 01/01/2016 đến 27/05/2016*

Đã được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, do UBND tỉnh Thanh Hóa làm đại diện chủ sở hữu, được thành lập theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 29/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800219549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu, ngày 03 tháng 10 năm 2005 và thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 12 năm 2013; thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 05 năm 2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 26/05/2016: 100% vốn Nhà nước;

- Từ ngày 27/05/2016, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, hình thức sở hữu vốn như sau:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số lượng (đồng)
Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	83,92	267.081.600.000
Nguồn vốn tư nhân	16,08	51.195.400.000
Tổng	100	318.277.000.000

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần (27/05/2016) là 318.277.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước sạch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- **Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.** Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35Kv. Xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình: Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 Kv. Thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc tổng công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi. Tư vấn trong các lĩnh vực: Đấu thầu xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: dịch vụ khách sạn;
- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa giao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 26/05/2016 bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Cần	Chủ tịch Công ty
2	Ông Nguyễn Huy Nam	Giám đốc
3	Ông Nguyễn Huy Nhấn	Phó Giám đốc
4	Ông Lê Sỹ Len	Phó Giám đốc
5	Ông Dương Văn Hóa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty từ ngày 27/05/2016 đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Thành viên
1	Ông Nguyễn Ngọc Cần	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Huy Nam	Thành viên
3	Ông Nguyễn Huy Nhấn	Thành viên
4	Ông Lê Sỹ Len	Thành viên
5	Ông Dương Văn Hóa	Thành viên

- Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Huy Nam	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Huy Nhấn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Sỹ Len	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Dương Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 27/05/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hình tài chính giai đoạn từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 27/05/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016.

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 7 năm 2016

Giám đốc 



Nguyễn Huy Nam



HDT Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

Vietnam HDT Auditing Company Limited

Trụ sở chính: 186 phố Nguyễn Cảnh Dị, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 35 666 390/391 * Fax: (84-4) 35 666 381 * Website: htdaudit.com

Số: 160115-2/BCKT-HDT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 27/5/2016 của
Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa

Kính gửi: **BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty), được lập ngày 30/6/2016, từ trang 6 đến trang 28, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 27 tháng 5 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa tại ngày 27/05/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 27/5/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huế

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0756-2013-173-1

Kiểm toán viên

Phan Thị Thúy Liên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1323-2013-173-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.868.228.646	87.293.726.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.236.303.555	24.354.992.486
1. Tiền	111		10.836.303.555	6.554.992.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.400.000.000	17.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.091.380.483	44.993.786.346
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		33.330.039.142	32.231.123.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		476.113.593	680.808.527
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2a	15.285.227.748	12.081.854.137
IV. Hàng tồn kho	140		24.525.774.503	16.574.375.591
1. Hàng tồn kho	141	V.3	24.525.774.503	16.574.375.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.014.770.105	1.370.571.996
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	3.624.046.666	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		390.723.439	1.203.525.541
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	167.046.455
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		449.175.192.049	444.278.734.744
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		424.602.510.477	425.319.029.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4a	424.535.196.295	425.220.963.456
<i>Nguyên giá</i>	222		871.258.142.721	852.628.542.565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(446.722.946.426)	(427.407.579.109)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.4b	67.314.182	98.065.977
<i>Nguyên giá</i>	228		369.021.550	369.021.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(301.707.368)	(270.955.573)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5	19.541.138.436	10.138.875.596
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.541.138.436	10.138.875.596
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.031.543.136	8.820.829.715
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.031.543.136	8.820.829.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		551.043.420.695	531.572.461.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2016

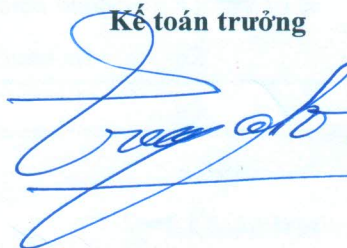
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	27/05/2016 Đồng	01/01/2015 Đồng
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		221.089.310.550	212.891.418.854
I. Nợ ngắn hạn	310		73.908.976.645	68.826.084.949
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.649.608.053	13.337.010.832
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.438.142.755	3.886.820.939
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	1.060.532.407	1.139.483.484
4. Phải trả người lao động	314		1.732.840.747	6.802.544.621
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.8a	6.821.210.076	5.175.179.033
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	39.304.026.426	35.224.724.602
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		5.000.000.000	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.902.616.181	3.260.321.438
II. Nợ dài hạn	330		147.180.333.905	144.065.333.905
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	147.180.333.905	144.065.333.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.954.110.145	318.681.042.309
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	329.954.110.145	318.681.042.309
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		323.758.283.174	307.110.337.301
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.195.826.971	6.195.826.971
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		0	5.374.878.037
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		551.043.420.695	531.572.461.163

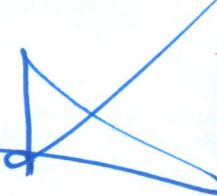
Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Huy Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016

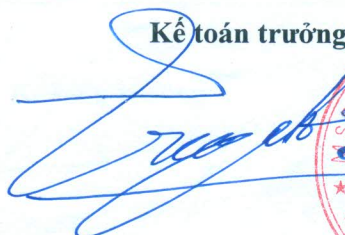
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	97.111.943.473	193.804.629.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	202.685.055	1.426.739.442
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.909.258.418	192.377.889.718
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	73.359.620.446	139.787.549.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.549.637.972	52.590.340.313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	486.229.876	1.704.373.177
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.215.584.814	5.206.409.144
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.215.584.814	5.206.409.144
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	8.645.507.293	19.285.304.682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	8.799.715.057	23.018.602.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.375.060.684	6.784.397.655
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	146.974.557
12. Chi phí khác	32	VI.8	15.270.327	40.502.963
13. Lợi nhuận khác	40		(15.270.327)	106.471.594
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.359.790.357	6.890.869.249
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	669.031.151	1.515.991.212
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.690.759.206	5.374.878.037

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016

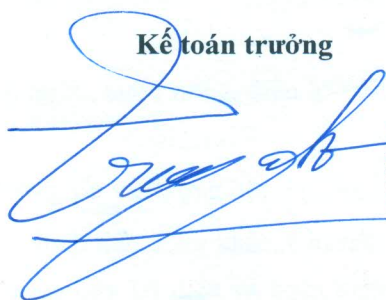
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	102.651.456.285	211.562.056.256
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(34.507.365.544)	(70.125.245.102)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.922.212.753)	(50.240.234.858)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(114.436.684)	(5.426.688.259)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(641.310.862)	(2.266.902.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.027.562.587	3.789.919.972
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(40.700.501.840)	(54.155.539.978)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.793.191.189	33.137.366.031
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(16.800.225.428)	(68.145.034.278)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	0	31.096.090
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.000.000.000)	(23.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.400.000.000	37.582.775.990
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	373.345.308	1.704.373.077
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.026.880.120)	(51.826.789.121)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3.	Tiền thu từ đi vay	33	9.000.000.000	25.682.624.885
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(885.000.000)	(9.933.741.896)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.115.000.000	15.748.882.989
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(118.688.931)	(2.940.540.101)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.354.992.486	27.295.532.587
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.236.303.555	24.354.992.486

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Giám đốc





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, do UBND tỉnh Thanh Hóa làm đại diện chủ sở hữu, được thành lập theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 29/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800219549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu, ngày 03 tháng 10 năm 2005 và thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 12 năm 2013; thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 05 năm 2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 26/05/2016: 100% vốn Nhà nước;

- Từ ngày 27/05/2016, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, hình thức sở hữu vốn như sau:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số lượng (đồng)
Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	83,92	267.081.600.000
Nguồn vốn tư nhân	16,08	51.195.400.000
Tổng	100	318.277.000.000

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần (27/05/2016) là 318.277.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước sạch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35Kv. Xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình: Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ngành, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 Kv. Thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi. Tư vấn trong các lĩnh vực: Đầu thầu xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.

- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: dịch vụ khách sạn;
- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa giao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Giai đoạn tài chính trong báo cáo này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 27/05/2016. Đây là giai đoạn tài chính kết thúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a/ Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c/ Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (chỉ áp dụng cho báo cáo riêng)

d/ Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

e/ Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

f/ Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại Công ty”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

g/ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước; Việc ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước tiền mua tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý.

12. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các quỹ theo quyết định của chủ sở hữu phê duyệt.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Thuế thu nhập Doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, thuế suất thuế thu nhập năm 2016 là 20%

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	27/05/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	2.243.932.800	754.707.600
Tiền gửi ngân hàng (*)	8.592.370.755	5.800.284.886
Các khoản tương đương tiền	13.400.000.000	17.800.000.000
Cộng	24.236.303.555	24.354.992.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết tiền gửi các ngân hàng

	27/05/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	69.205.491	907.048.160
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tĩnh Gia	948.636.379	345.402.074
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Triệu Sơn	253.199.589	331.256.924
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn	1.354.167.956	258.031.713
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	3.518.629.399	2.747.936.478
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Hóa	515.072	515.072
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.429.645.447	1.210.094.465
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Tài khoản phong tỏa Ban chỉ đạo cổ phần hóa)	18.371.422	0
Cộng	8.592.370.755	5.800.284.886

2- Phải thu khác

	27/05/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
a- Phải thu ngắn hạn khác		
Chi nhánh xây lắp công trình (Anh Nhấn)	1.400.930.990	1.500.177.840
Chi nhánh cấp nước Bim Sơn	183.605.224	183.605.224
Chi nhánh xây lắp (Anh Nhấn - Công trình nội bộ)	5.110.472.733	550.000.000
Chi nhánh xây lắp 2014	4.746.766.143	5.381.766.143
Chi nhánh xây lắp (Ông Nhấn thầu phụ (Công trình Yên Mỹ - Đồng Chùa)	0	1.000.000.000
Công trình cấp nước Quảng Xương	400.000.000	400.000.000
Chi nhánh tư vấn nước và môi trường	150.000.000	0
Chi nhánh khách sạn Sông Mã	572.466.959	0
Tạm ứng	2.050.172.611	2.294.501.901
Các khoản phải thu khác	670.813.088	771.803.029
Cộng	15.285.227.748	12.081.854.137

3- Hàng tồn kho

	27/05/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	14.954.942.568	13.024.830.531
Công cụ, dụng cụ	773.057.885	668.649.742
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.797.774.050	2.880.895.318
Cộng	24.525.774.503	16.574.375.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 – Tăng, giảm tài sản cố định**a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	269.462.231.881	87.228.315.935	494.237.371.156	1.700.623.593	852.628.542.565
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.793.656.854	3.831.469.471	1.758.110.195	0	19.383.236.520
Thanh lý, nhượng bán	0	0	753.636.364	0	753.636.364
Tại ngày 31/05/2016	283.255.888.735	91.059.785.406	495.241.844.987	1.700.623.593	871.258.142.721
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	115.306.777.037	26.714.175.683	284.614.806.632	771.819.757	427.407.579.109
Khấu hao trong năm	5.042.309.992	3.874.432.070	10.752.299.342	98.507.732	19.767.549.136
Thanh lý, nhượng bán	0	0	452.181.819	0	452.181.819
Tại ngày 31/05/2016	120.349.087.029	30.588.607.753	294.914.924.155	870.327.489	446.722.946.426
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	154.155.454.844	60.514.140.252	209.622.564.524	928.803.836	425.220.963.456
Tại ngày 31/05/2016	162.906.801.706	60.471.177.653	200.326.920.832	830.296.104	424.535.196.295

Giá trị còn lại tại 31/05/2016 TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ tại 31/05/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ tại 31/05/2016 chờ thanh lý: 0 đồng

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	310.353.550	58.668.000	369.021.550
Tại ngày 31/05/2016	310.353.550	58.668.000	369.021.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	224.021.173	46.934.400	270.955.573
Khấu hao trong năm	25.862.795	4.889.000	30.751.795
Tại ngày 31/05/2016	249.883.968	51.823.400	301.707.368
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	86.332.377	11.733.600	98.065.977
Tại ngày 31/05/2016	60.469.582	6.844.600	67.314.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tài sản dở dang dài hạn

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	0	0
b. Tài sản xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	19.541.138.436	10.138.875.596
Mua sắm tài sản cố định	938.954.545	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	57.281.525
CT, thay thế và xây hồ van mạng CN Bim Sơn	0	57.281.525
Xây dựng cơ bản dở dang	18.602.183.891	10.081.594.071
Công trình Nhà máy Nước Quảng Xương	637.861.309	637.861.309
Hệ thống cấp nước 3 xã huyện Quảng Xương	72.460.000	72.460.000
Nâng công suất Nhà máy nước Hàm Rồng	4.710.721.994	4.403.055.887
Các tuyến ống cấp nước tại thị trấn Ngọc Lặc	49.663.636	49.663.636
Cài tạo lắp bơm nước sạch CN Quảng Xương	441.135.090	364.194.057
Cài tạo, nâng cấp Khách sạn Sông Mã	0	3.250.000.817
LĐ HT Q. lý mạng bằng CN thông tin	355.587.796	355.587.796
Đấu nguồn CN BS khu ĐT Cầu Cao - An Hoạch	245.972.611	27.500.724
CT: CN thôn 3, 5, 6 xã Quang Trung, Bim Sơn	722.783.524	722.783.524
CT: CN 03 thôn 1,2,3 xã Thiệu Dương, TPTH	581.283.388	91.127.656
CT: CN 3 xã Hoằng Vinh, H.Thịnh, H.Đồng H. Hóa	1.708.502.165	107.358.665
HTCN thôn Cao Nhuận và Cộng Hòa, Vạn Thiện, N/Cống	443.705.200	0
CT LĐ máy bơm CN cấp nước Ngọc Lặc	517.035.627	0
CT: T/Ố uPVC D280 CN BS KCN Lễ Môn và KV lân cận	1.816.061.106	0
LĐ tuyến ống chính Xã Thiệu Khánh, Thiệu Vân	4.000.313.353	0
CT: Cài tạo trạm bơm nước thô số 1, CN Nông Cống	183.108.727	0
CT thay thế ống KV Tân Sơn, đg Ngô Sỹ Liên, TPTH	951.890.711	0
Thổi rửa và bơm hút Giếng khoan KLI, Bim Sơn	190.467.273	0
CT, KSTK Đấu nối tuyến ống BS gói G1P1, TPTH	111.518.808	0
CT: T/ống trực chính 4 thôn P.Đông Sơn, Bim Sơn	567.404.240	0
CT T/Ố trực chính cấp nước SH 5 xã (3 SS, 2 QX)	116.450.182	0
Các công trình XD CB khác	178.257.151	0
Cộng	19.541.138.436	10.138.875.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6- Chi phí trả trước

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
a- Chi phí trả trước ngắn hạn	3.624.046.666	0
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.624.046.666	0
b- Chi phí trả trước dài hạn	5.031.543.136	8.820.829.715
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	0	3.789.286.579
Phí, lãi Dự án PT toàn diện KTXH PTTH (HP2)	4.329.864.836	4.329.864.836
Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	701.678.300	701.678.300
Cộng	8.655.589.802	8.820.829.715

7- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
Thuế TNDN	313.452.426	285.732.137
Thuế tài nguyên	65.411.160	217.149.937
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	51.634.799	2.363.368
Các loại thuế khác	630.034.022	634.238.042
Cộng	1.060.532.407	1.139.483.484

8- Chi phí phải trả khác**a- Phải trả ngắn hạn**

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
Chi phí lãi vay phải trả	6.821.210.076	5.175.179.033
Cộng	6.821.210.076	5.175.179.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9- Phải trả ngắn hạn khác

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>		
Phải trả về cổ phần hóa	500.000.000	0
Bảo hiểm XH, BHYT, BHTN	1.488.549.727	0
Kinh phí công đoàn	440.920.029	467.781.926
Chi nhánh xây lắp công trình (Ông Nhấn)	8.784.577.011	9.124.184.239
Chi nhánh Tư vấn và môi trường	2.493.692.120	2.355.525.965
Chi nhánh cấp nước Quảng Xương	1.104.890.068	2.110.831.967
Chi nhánh cấp nước thành phố	566.754.153	1.358.306.765
Chi nhánh xây lắp công trình (Ông Châu)	0	284.037.200
Chi nhánh xây lắp (Anh Nhấn - công trình Yên Mỹ - Đồng Chùa)	5.812.511.689	3.278.997.257
Chi nhánh xây lắp (Anh Nhấn - công trình Đồng Chùa) thầu phụ	2.352.063.795	2.452.063.795
Chi nhánh cấp nước Bim Sơn (Ô.Ngọc)	828.020.160	281.830.036
CN Xây lắp công trình (A. Nhấn - CT Nội bộ)	11.483.440.916	7.436.801.758
Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn	172.074.648	0
Chi nhánh Triệu Sơn	461.040.327	0
Nâng công suất Nhà máy nước Hàm Rồng	501.197.265	4.833.795.597
Cải Tạo Nhà QL kiểm K/S Sông Mã	1.197.660.721	0
Nguồn kinh phí Đảng bộ	9.869.130	109.869.130
Các khoản phải trả khác	1.106.764.667	1.130.698.967
Cộng	39.304.026.426	35.224.724.602

10- Vay và nợ thuê tài chính**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	147.180.333.905	144.065.333.905
Dự án cấp nước và vệ sinh Thanh Hóa - Sầm Sơn (ADB)	36.346.781.120	36.346.781.120
Tiểu dự án tuyển cạnh tranh giai đoạn 2 thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam (WB- Dự án 6 huyện)	82.035.927.900	82.035.927.900
Dự án: Nâng công suất Nhà máy nước Hàm Rồng	28.797.624.885	25.682.624.885
Cộng	147.180.333.905	144.065.333.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11- Vốn chủ sở hữu**a- Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	217.093.873.219	0	7.369.524.634	1.059.076.647	225.522.474.500
Lãi trong năm trước	0	0	0	5.374.878.037	5.374.878.037
Tăng khác	94.537.139.691	94.537.139.691	0	0	189.074.279.382
Phân phối lợi nhuận	0	0	1.491.420.658	0	1.491.420.658
Giảm khác	(4.520.675.609)	(94.537.139.691)	(2.665.118.321)	(1.059.076.647)	(102.782.010.268)
Số dư đầu năm nay	307.110.337.301	0	6.195.826.971	5.374.878.037	318.681.042.309
Tăng vốn trong kỳ	16.647.945.873	0	0	0	16.647.945.873
Lãi trong kỳ	0	0	0	2.690.759.206	2.690.759.206
Phân phối lợi nhuận (*)	0	0	0	(8.065.637.243)	(8.065.637.243)
Số dư cuối năm nay	323.758.283.174	0	6.195.826.971	0	329.954.110.145

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 và giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014, cụ thể: Công ty căn cứ vào xếp hạng Doanh nghiệp năm 2014 để trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty.

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	307.110.337.301	307.110.337.301
+ Vốn góp tăng trong kỳ	16.647.945.873	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	323.758.283.174	307.110.337.301
Cộng	323.758.283.174	307.110.337.301

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	27/05/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	6.195.826.971	6.195.826.971
	6.195.826.971	6.195.826.971

Địa chỉ: Số 99, Mật Sơn, Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa

Giai đoạn tài chính
từ 01/01/2016 đến 27/05/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.111.943.473	193.804.629.160
Cộng	97.111.943.473	193.804.629.160

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Giảm giá hàng bán	202.685.055	1.426.739.442
Cộng	202.685.055	1.426.739.442

3 Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Giá vốn hàng hóa	73.359.620.446	139.787.549.405
Cộng	73.359.620.446	139.787.549.405

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	486.229.876	1.704.373.177
Cộng	486.229.876	1.704.373.177

Địa chỉ: Số 99, Mật Sơn, Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa

Giai đoạn tài chính
từ 01/01/2016 đến 27/05/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5 Chi phí tài chính

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Lãi tiền vay	3.215.584.814	5.206.409.144
Cộng	3.215.584.814	5.206.409.144

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
a. Chi phí bán hàng	8.645.507.293	19.285.304.682
Chi phí nhân viên	8.246.195.073	18.519.286.682
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	399.312.220	766.018.000
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.799.715.057	23.018.602.009
Chi phí nhân viên	3.863.708.250	9.519.890.202
Chi phí vật liệu quản lý	122.242.453	530.403.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	942.817.367	1.073.319.009
Chi phí đồ dùng, dụng cụ văn phòng	1.211.681.336	5.523.779.899
Thuế, phí, lệ phí	375.277.613	378.176.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.035.729	1.484.683.798
Chi phí bằng tiền khác	1.871.952.309	4.508.348.954
Cộng	17.445.222.350	42.303.906.691

7 Thu nhập khác

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	0	6.286.545
Các khoản thu nhập khác	0	140.688.012
Cộng	0	146.974.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8 Chi phí khác

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Giảm giá trị công trình Nhiệt điện 2 Nghi Sơn	0	34.170.512
Giảm giá trị công trình Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	0	3.103.034
Giảm giá trị công trình thị trấn Bến Sung	15.270.327	3.229.417
Cộng	15.270.327	40.502.963

9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.359.790.357	6.890.869.249
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	0	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.359.790.357	6.890.869.249
<i>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</i>	<i>669.031.151</i>	<i>1.515.991.212</i>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	669.031.151	1.515.991.212

10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 27/05/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.783.282.985	54.124.124.832
Chi phí nhân công	22.934.118.578	73.867.515.941
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.855.483.564	24.325.430.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.655.903.265	24.615.015.309
Chi phí bằng tiền khác	8.646.102.296	11.049.309.249
Cộng	82.874.890.688	187.981.395.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán của giai đoạn tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giai đoạn tài chính mà chưa được thuyết minh rõ tại báo cáo tài chính này.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hóa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Giai đoạn tài chính 01/01/2016 đến 27/05/2016 là giai đoạn tài chính kết thúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước.

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

TP. Thanh Hóa, ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Huy Nam